

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày 04 tháng 6 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trọng Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Thêu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đoàn Viết Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với:

1. ***Bị cáo:*** Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/12/1993 tại Hải Phòng; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 09/2012 đến tháng 01/2014; Ngày 26/01/2019 bị cáo đến cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Bình đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 26/01/2019 đến ngày 29/01/2019 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Bị hại:

2.1. Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2.2. Anh Vũ Văn D1 (tên thường gọi là Y) – sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2.3. Anh Lê Đình T – sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh S, anh T, anh D1 vắng mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3.2. Anh Lại Tiến T1 – sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

3.3. Chị Vi Thị N – sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3.4. Anh Nguyễn Văn V – sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh H, anh T1, anh V, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và dịch vụ Sông Mã do anh Trần Ngọc L là quyền giám đốc. Ngày 14/3/2017, Công ty thả 02 rọ đá xuống dưới nước tại khu vực âu tàu tránh bão của nhà máy nhiệt điện. Ngày 16/3/2017, một số thanh niên lạ mặt đưa thuyền và thợ lặn đến tìm kiếm tại khu vực thả rọ đá. Anh L đã ngăn cản, nói rằng đó là tài sản do anh L quản lý nhưng những người này yêu cầu anh L phải đưa 10 triệu đồng thì họ mới đi. Do quen biết Vũ Văn S1 nên anh L đã gọi điện thoại nhờ S1 can thiệp. Khoảng 12 giờ cùng ngày S1 gọi điện cho Nguyễn Khánh P ra âu tàu để giải quyết mâu thuẫn trong việc trục vớt

ro đá. Tại đây nhóm của S1 xảy ra mâu thuẫn, va chạm với nhóm của anh Nguyễn Văn V, Vũ Văn D1 và Nguyễn Văn S, sau đó hai bên đi về.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, Vũ Văn S1 và Đỗ Văn T2 đi xe ô tô đến khu vực chợ Mới thuộc thôn Vũ Biên, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy thì gặp xe ô tô của anh V. S1 gọi điện thoại cho Trần Mạnh H1 và bảo T2 gọi điện cho Vũ Khánh P đến khu vực chợ Mới để giải quyết vì cho rằng S1 bị V chặn xe. Trần Mạnh H1 gọi thêm Lại Tiến N1 và Vũ Mạnh D2 mang theo tuýp sắt gắn dao đến chợ Mới. Vũ Khánh P đi cùng với Nguyễn Thế T, Phạm Văn H, Nguyễn Văn D và Vũ Mạnh N2 mang theo tuýp sắt gắn dao đến chợ Mới.

Tại đây, khi thấy anh Vũ Văn D1, Nguyễn Văn S, Lê Đình T, Nguyễn Công Đ đang đi về nhà anh D1 và thấy anh V lái xe ô tô chở anh Nguyễn Văn H và Lại Tiến T1 bỏ chạy, S1 xuống xe ô tô mở cốp lấy 01 chiếc xẻng. Khi thấy H1, T2, P, Nguyễn Thế T, D2, N1, D, N2 cầm tuýp sắt hàn dao bầu đuôi các anh D1, S và Lê Đình T từ công chợ Mới vào đến vườn nhà ông Vũ Văn N1 ở thôn Vũ Biên, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy. S1 cầm xẻng chạy theo, cả nhóm dùng tuýp hàn dao, xẻng, chân đá, đập các anh D1, S, và Lê Đình T. S1 dùng xẻng vọt vào vai anh D1. H1 dùng tuýp hàn dao chém vào chân anh D1, vọt vào người anh S, dùng chân đá vào mặt anh D1, anh S. Nguyễn Thế T dùng tuýp hàn dao vọt vào người anh Lê Đình T, anh S. T dùng chân đá vào người anh D1, anh T. D2 dùng tuýp hàn dao vọt vào người anh D1, anh S, anh T. P dùng tuýp hàn dao vọt vào người anh S, anh T, anh D1, dùng chân đá vào vai, mặt anh D1. N1 dùng chân đá vào hông, chân, lưng và đập lên vai anh S, dùng tuýp sắt gắn dao vọt vào người anh T, vọt vào lưng, chân anh D1. T2 dùng chân đá vào người anh D1, dùng xẻng đánh anh S. D dùng tuýp hàn dao vọt vào người anh D1, anh S, dùng chân đá vào người anh S. N2 dùng chân đá vào người anh S, dùng tuýp hàn dao vọt vào người anh D1, anh T. Sau đó S1 hô “dừng lại, không đánh nữa” thì cả nhóm không đánh các anh D1, S, Lê Đình T nữa.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm giám định pháp y Thái Bình, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh Vũ Văn D1 là 10%, anh Lê Đình T là 10% và anh Nguyễn Văn S là 22%.

Sau khi gây án, Nguyễn Văn D bỏ trốn, đến ngày 26/01/2019 bị cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đầu thú nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã phục hồi điều tra đối với Nguyễn Văn D.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận cùng các đồng phạm đánh nhóm của anh D1, anh S và anh T. Bị cáo D xác định những người trong nhóm của D đã dùng xẻng, tuýp sắt hàn dao (phóng lựu) đuổi đánh các bị hại nhưng không nhớ cụ thể ai cầm gì. Bị cáo D cầm đoạn gậy gỗ dùng để làm cán xẻng vụt vào người thanh niên mặc áo trắng (tài liệu xác định là anh S) (Bút lục số 42-60). Tuy nhiên căn cứ tài liệu điều tra, lời khai của các đồng phạm (Đỗ Văn T2, Trần Mạnh H1, Vũ Văn S1, Nguyễn Thế T, Vũ Mạnh D2), có đủ căn cứ xác định D sử dụng tuýp sắt hàn gắn dao để gây thương tích cho bị hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 13/11/2017 và bản án số 26/2018/HSST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã xử:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn S1, Trần Mạnh H1, Vũ Khánh P, Lại Tiến N1, Nguyễn Thế T, Vũ Mạnh D2, Đỗ Văn T2 và Vũ Mạnh N2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H1 02 năm tù, bị cáo Vũ Khánh P 02 năm tù; bị cáo Vũ Mạnh D2, Lại Tiến N1 và Nguyễn Thế T mỗi bị cáo 01 năm 06 tháng tù; bị cáo Vũ Văn S1 01 năm 03 tháng tù; bị cáo Đỗ Văn T2 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; bị cáo Vũ Mạnh N2 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Vũ Văn S1, Trần Mạnh H1, Vũ Khánh P, Lại Tiến N1, Nguyễn Thế T, Vũ Mạnh D2 và Đỗ Văn T2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho những người bị hại, cụ thể: Bồi thường cho anh Lê Đình T 8.562.988 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Văn S 24.122.000 đồng, bồi thường cho anh Vũ Văn D1 10.164.734 đồng. Tổng số các bị cáo phải bồi thường là 42.849.722 đồng, chia kỹ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 6.121.388 đồng. Chuyển số tiền 45.000.000 đồng gia đình bị cáo S1 đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thay cho các bị cáo khác. Bị cáo S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị cáo khác phải bồi hoàn số tiền bị cáo S1 đã bồi thường thay cho các bị cáo.

Cáo trạng số 13/KSĐT ngày 08/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 16/3/2017, tại khu vực thôn Vũ Biên, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn D cùng Vũ Văn S1, Trần Mạnh H1, Vũ Khánh P, Lại Tiến N1, Nguyễn Thế T, Vũ Mạnh D2, Đỗ Văn T2, Vũ Mạnh N2 dùng gậy gỗ, xẻng, tuýp sắt hàn gắn dao và dùng tay, chân đánh gây thương tích cho anh Lê Đình T, anh Nguyễn Văn S và anh Vũ Văn D1. Hậu quả anh D1, anh S, anh T bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh D1 10%, anh T 10% và anh S 22%. Sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn D bỏ trốn, ngày 26/01/2019 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đầu thú. Gia đình bị cáo đã đóng góp cùng với gia đình bị cáo Vũ Văn S1 về khoản tiền mà bị cáo S1 đã đứng ra bồi thường thay cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo mức hình phạt tù từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng: đã được giải quyết tại bản án số 47 ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D không tranh luận gì và nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng

như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 13 giờ ngày 16/3/2017, tại khu vực thôn Vũ Biên, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Văn D có hành vi cùng Vũ Văn S1, Trần Mạnh H1, Vũ Khánh P, Lại Tiến N1, Nguyễn Thế T, Vũ Mạnh D2, Đỗ Văn T2, Vũ Mạnh N2 dùng xẻng, tuýp sắt hàn gắn dao và dùng tay, chân đánh gây thương tích cho anh Lê Đình T, anh Nguyễn Văn S và anh Vũ Văn D1. Hậu quả anh D1, anh S, anh T bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh D1 10%, anh T 10% và anh S 22%. Sau khi phạm tội Nguyễn Văn D bỏ trốn đến ngày 26/01/2019 ra đầu thú. Tại phiên tòa bị cáo khai chỉ dùng gậy gỗ để gây thương tích cho những người bị hại. Tuy nhiên, bằng các lời khai của các bị cáo đồng phạm, những người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có thể xác định được bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm là tuýp sắt hàn gắn dao để gây thương tích cho người khác. Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo xác định không có mâu thuẫn gì với những người bị hại nhưng vẫn dùng tuýp sắt có gắn dao nhọn là hung khí nguy hiểm mang tính sát thương cao để thực hiện hành vi phạm tội gây thương tích cho người khác là thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe con người. Theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự thì: *“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a. Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người...i. Có tính chất côn đồ....2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị*

phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: “đ. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự).

[3] Về áp dụng pháp luật: Bị cáo phạm tội khi Bộ luật hình sự năm 1999 vẫn còn hiệu lực thi hành nhưng qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Đây là quy định có lợi cho người phạm tội nên căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 để xét xử đối với bị cáo D.

[4] Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo cố ý cùng nhau thực hiện tội phạm và có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo D là người tiếp nhận ý chí từ các đồng phạm khác, tích cực cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho những bị hại nhưng mức độ quyết liệt thấp hơn bị cáo P, bị cáo H1 và cùng vai trò với bị cáo D2, T, N1 nên xử phạt bị cáo mức hình phạt ngang bằng với các bị cáo D2, T, N1 là phù hợp.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an nơi xảy ra vụ án và gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn D khai báo thành khẩn về hành vi đã gây thương tích cho bị hại, đã đóng góp tiền cùng với gia đình bị cáo Vũ Văn S1 để khắc phục, bồi thường thiệt hại cho những bị hại, sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản

2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 47/2017/HSST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/01/2019.
3. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự của vụ án: Đã được giải quyết tại bản án số 47/2017/HSST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/6/2019. Những bị hại anh Lê Đình T, anh Nguyễn Văn S và anh Vũ Văn D1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Hà

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

